

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-12-2019

V/v: “Tranh chấp về chia tài sản
chung của vợ chồng trong thời kỳ
hôn nhân”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Phúc.
2. Ông Cao Đình Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 373/2018/TLST–HNGĐ ngày 07/8/2018 về việc “Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 27, Đường Nguyễn Thiện T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà N ủy quyền cho ông Lê Cao T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số 272, Đường B, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (theo Giấy ủy quyền ngày 07/8/2018).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Kim A, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 6, thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn D, sinh năm 1930.

Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Đ ủy quyền cho bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (theo Giấy ủy quyền ngày 18/9/2019).

Bà N, ông T, ông Kim A, bà M có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2018, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy N trình bày:

Năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã giải quyết ly hôn giữa bà và ông Nguyễn Kim A. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 198/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và về con chung. Về tài sản chung và nợ chung thì chưa giải quyết. Do vậy bà khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng gồm:

- Về tài sản chung: Diện tích 2.681 m² đất thuộc thửa số 422, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Diện tích 3.082 m² đất thuộc thửa số 333, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; 01 căn nhà và 01 quán cà phê nằm trên thửa đất số 513, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; 01 xe biển số 49A - 142.72, hiệu KIA.

Đối với tài sản chung là diện tích 2.681 m² đất thuộc thửa số 422, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Diện tích 3.082 m² đất thuộc thửa số 333, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bà yêu cầu chia đôi, mỗi người nhận ½ tài sản.

Đối với tài sản chung là 01 căn nhà và 01 quán cà phê nằm trên thửa đất số 513, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và 01 xe biển số 49A - 142.72, hiệu KIA bà yêu cầu giao ông Nguyễn Kim A toàn bộ tài sản trên. Ông Kim A có trách nhiệm thanh toán cho bà ½ giá trị các tài sản trên.

Ngày 07/01/2019 bà N có đơn khởi kiện bổ sung, bà yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 513, tờ bản đồ số 17 và thửa đất số 341, tờ bản đồ số 19, đều tọa lạc tại thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tòa án đã tiến hành thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện của bà N theo quy định. Đến ngày 21/5/2019 bà N đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với các thửa đất nêu trên.

- Về nợ chung: Vợ chồng bà nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh II số tiền 350.000.000 đồng. Khi ly hôn bà yêu cầu chia đôi số nợ trên. Bà chịu trách nhiệm trả 175.000.000 đồng, ông Kim A chịu trách nhiệm trả 175.000.000 đồng cho ngân hàng.

Theo bản tự khai ngày 06/9/2018, bị đơn ông Nguyễn Kim A trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N thì ông yêu cầu bà N phải chứng minh đóng góp công sức của mình đối với tài sản mà bà yêu cầu chia trước khi bàn đến việc chia tài sản. Do đó ông không đồng ý với đơn khởi kiện về việc chia tài sản như đơn khởi kiện. Đối với ông tài sản làm ra là để cho tương lai các con sau này, không bên nào có quyền chia tài sản mà không có lý do chính đáng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn D - Đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị M trình bày:

Căn nhà xây trên một phần thửa đất 513, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại Quốc lộ 27, thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng do ông Đ bỏ tiền ra xây dựng vào năm 2009, diện tích xây dựng tầng 1: 133,46 m²; tổng diện tích sàn 219,92 m², căn nhà được xây theo giấy phép xây dựng cấp cho ông Nguyễn D, số giấy phép xây dựng số 113 ngày 22/4/2009. Mục đích xây với dự định cho vợ chồng Kim A.

Nay vợ chồng Kim A chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, bà M đại diện cho ông Đ xác định căn nhà và toàn bộ diện tích đất thuộc thửa 513, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại Quốc lộ 27, thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng trên đất có căn nhà do ông Đ xây dựng là của ông Đ. Bà không đồng ý với yêu cầu của bà N về việc chia tài sản chung là căn nhà của ông Đ xây dựng.

Bà N cho rằng, căn nhà do ông Đ xây dựng là tài sản chung của bà N và ông Kim A thì đề nghị bà N có trách nhiệm cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh căn nhà ông Đ xây dựng là tài sản chung của bà N và ông Kim A.

Ngoài căn nhà nói trên, thì vợ chồng Kim Anh có xây dựng 01 quán cà phê, khi xây dựng giá khoán cho thợ xây khoảng 220.000.000 đồng. Hiện nay bà xác định giá trị quán cà phê này chỉ còn lại 50%, tương đương số tiền 110.000.000 đồng. Bà xác định quán cà phê này là của vợ chồng Kim A, khi chia tài sản chung bà đồng ý nhận quán cà phê này và thanh toán cho vợ chồng Kim A trị giá còn lại của quán cà phê là 110.000.000 đồng.

Hiện nay các vật dụng trong quán cà phê bà N đã lấy đi nơi khác, chỉ còn lại mỗi quán cà phê là 01 căn nhà cấp 4, không có tài sản gì bên trong.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được biết. Do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tổng đạt các giấy tờ cho đúng theo quy định. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng

quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đầy đủ các quy định của luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy N đối với ông Nguyễn Kim A về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Không chấp nhận yêu cầu của bà N về việc chia tài sản chung là căn nhà xây dựng trên diện tích đất thuộc thửa 513, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại Quốc lộ 27, thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “**Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân**” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy N với bị đơn ông Nguyễn Kim A; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn D. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, do Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không có đơn yêu cầu ông Kim A và bà N phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vay. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, ông Kim A đã thanh toán xong khoản vay và được Ngân hàng xác nhận. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, không đưa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam vào **tham gia tố tụng với** tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Sau này nếu Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có tranh chấp về khoản nợ vay với ông Nguyễn Kim A và bà Nguyễn Thị Thùy N thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị Thùy N cho rằng quá trình chung sống bà và ông Kim A tạo lập được các tài sản chung gồm: Diện tích 2.681 m² đất thuộc thửa số 422, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Diện tích 3.082 m² đất thuộc thửa số 333, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; 01 căn nhà và 01 quán cà phê nằm trên thửa đất số 513, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; 01 xe biển số 49A - 142.72, hiệu KIA do bà Nguyễn Thị Thùy N đứng tên chủ sử dụng.

Về khoản nợ chung, bà N xác định, bà và ông Kim A có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh Lâm Đồng II số tiền 350.000.000 đồng.

Bà Thùy Nga yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung và nợ chung. Bà được nhận $\frac{1}{2}$ tài sản và có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ số nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Kim A xác định tài sản chung của vợ chồng gồm: Diện tích 2.681 m² đất thuộc thửa số 422, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Diện tích 3.082 m² đất thuộc thửa số 333, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; 01 quán cà phê nằm trên thửa đất số 513, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; 01 xe biển số 49A - 142.72, hiệu KIA do bà Nguyễn Thị Thùy N đứng tên chủ sử dụng. Về nợ chung, ông bà vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh Lâm Đồng II số tiền 500.000.000 đồng. Ông đã thanh toán xong số tiền gốc và tiền lãi. Đối với căn nhà xây dựng trên thửa đất số 513, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng là của bố ruột ông là ông Nguyễn D.

Hội đồng xét xử xác định:

- Đối với diện tích 02 thửa đất (diện tích 2.681 m² đất thuộc thửa số 422, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Diện tích 3.082 m² đất thuộc thửa số 333, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Kim A và bà N. Hội đồng xét xử xác định đây là tài sản chung của ông Kim A và bà N.

- Đối với xe ô tô biển số 49A - 142.72, hiệu KIA do bà Nguyễn Thị Thùy N đứng tên chủ sử dụng. Nguồn gốc tài sản do tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Hội đồng xét xử xác định đây là tài sản chung của ông Kim A và bà N.

- Đối với căn nhà xây dựng trên thửa đất số 513, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, quyền sử dụng đất của ông Nguyễn D; Bà N cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng tạo dựng nên trong thời kỳ hôn nhân, nhưng bà N không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình. Ông Kim A và bà M xác định căn nhà này do bố ruột ông bỏ tiền ra xây dựng, tài liệu chứng cứ ông Kim A và bà M xuất trình là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy phép xây dựng đứng tên ông Nguyễn D. Do vậy Hội đồng xét xử xác định căn nhà xây dựng trên thửa đất số 513, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng không phải là tài sản chung của ông Kim A và bà N.

- Đối với quán cà phê xây dựng trên phần đất thuộc một phần thửa số 513, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông Nguyễn D xác định là do ông Kim A, bà N bỏ tiền ra xây dựng. Bà N và ông Kim A cũng thừa nhận việc bỏ tiền ra xây dựng. Hội đồng xét xử xác định đây là tài sản chung của ông Kim A và bà N.

- Đối với khoản nợ chung: Hội đồng xét xử xác định quá trình chung sống ông bà có vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh Lâm Đồng II số tiền 500.000.000 đồng, quá trình vay ông Kim A đã tự thanh toán xong số tiền này.

Theo kết quả định giá ngày 03/01/2019 của Hội đồng định giá thì: 3.000 m² đất thuộc thửa số 422, tờ bản đồ số 19 và tài sản trên đất có giá trị là 556.994.000 đồng; 3.082 m² đất thuộc thửa 333, tờ bản đồ số 17 và tài sản trên đất có giá trị là 2.737.010.000 đồng, đều tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; 01 căn nhà và 01 quán cà phê nằm trên thửa đất số 513, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng có giá trị là 340.985.000 đồng; 01 xe biển số 49A - 142.72, hiệu KIA có giá trị là 468.000.000 đồng. Hiện nay ông Kim A là người đang quản lý sử dụng.

Tại phiên tòa các đương sự đều đồng ý xác định giá trị tài sản theo biên bản định giá ngày 03/01/2019 và tự thỏa thuận trị giá quán cà phê là 110.000.000 đồng; Căn nhà trị giá: 230.985.000 đồng.

Các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giao ông Nguyễn D được quyền quản lý và sử dụng 01 quán cà phê nằm trên thửa đất số 513, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông Nguyễn D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Kim A 55.000.000 đồng, bà N 55.000.000 đồng là tiền trị giá quán cà phê.

Bà N và ông Kim A tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết số tiền vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh II. Ông Kim A và bà Thùy Nga cùng vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh II số tiền 500.000.000 đồng. Do ông Kim A đã tự thanh toán 500.000.000 đồng cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh II nên bà N đồng ý thanh toán cho ông Kim A ½ số tiền nợ vay mà ông Kim A đã tự thanh toán cho Ngân hàng là 250.000.000 đồng.

Đối với phần tài sản khác, do các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau, do vậy cần xét về công sức đóng góp tạo lập khối tài sản chung để hội đồng xét xử làm căn cứ chia tài sản: Vợ chồng ông Kim A đều có công sức đóng góp để có được khối tài sản chung. Riêng diện tích 3.082 m² đất thuộc thửa số 333, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng có nguồn gốc là tài sản riêng của ông Kim A đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Kim A từ năm 1998, trước khi ông Kim A kết hôn với bà N (ông Kim A và bà N kết hôn năm 2005). Nhưng ngày 24/3/2017 ông Kim A đã tự nguyện thỏa thuận xác lập tài sản riêng là 3.082 m² đất thuộc thửa số 333, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng của cá nhân ông Kim A thành tài sản chung của ông Kim A và bà N. Thỏa thuận này được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xác nhận tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, phần lớn công sức tạo lập diện tích 3.082 m² đất thuộc thửa số 333, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng là từ ông Kim A.

Từ nhận định trên, khi xem xét yêu cầu của bà N về việc chia đôi tài sản chung và nợ chung cũng cần xem xét công sức đóng góp lớn hơn của ông Kim A đối với 3.082 m² đất thuộc thửa số 333, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Do vậy Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N. Giao bà N được nhận tài sản là 3.000 m² đất thuộc thửa số 422, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng có giá trị là 556.994.000 đồng. Giao ông Kim A được nhận 3.082 m² đất thuộc thửa số 333, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng có giá trị là 2.737.010.000 đồng. Giao ông Kim A được quyền quản lý, sử dụng tài sản 01 xe biển số 49A - 142.72, hiệu KIA có giá trị là 468.000.000 đồng, Tổng trị giá tài sản ông Kim A được nhận là 3.205.010.000 đồng. Ông Kim A có trách nhiệm giao lại bà N số tiền chênh lệch chia tài sản chung là 1.324.008.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà N về yêu cầu chia tài sản chung đối với tài sản là căn nhà xây trên diện tích đất thửa đất số 513, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà N liên quan đến việc bà yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 513, tờ bản đồ số 17 và thửa đất số 341, tờ bản đồ số 19, đều tọa lạc tại thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Do bà N đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với các thửa đất nêu trên nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà N. Hoàn trả bà N số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0006520 ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí Dân sự sơ thẩm bà N phải chịu.

Về chi phí tố tụng: Bà N đã nộp 1.400.000 đồng. Do mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nên mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng. Vì bà N đã nộp nên buộc ông Kim A phải trả lại cho bà N 700.000 đồng.

[3] Về án phí:

Buộc bà N phải chịu 74.620.040 đồng án phí Dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản được nhận (1.881.002 đồng + 250.000.000 đồng thanh toán cho ông Kim A = 2.131.002.000 đồng. Buộc ông Kim A phải chịu 68.430.060 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên trị giá tài sản được nhận là 1.881.002 đồng. Buộc ông Đ phải chịu 5.500.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 205, 220, 227, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 33, 38 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy N đối với ông Nguyễn Kim A về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

1.1 Giao bà Nguyễn Thị Thùy N được nhận diện tích 3.000 m² đất thuộc thửa số 422, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 340470 ngày 27/11/2001.

1.2 Giao ông Nguyễn Kim A được nhận diện tích 3.082 m² đất thuộc thửa số 333, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 513693 ngày 08/9/1998. Giao ông Nguyễn Kim A được quyền sở hữu tài sản 01 xe ô tô hiệu KIA, biển số 49A - 142.72 đứng tên Nguyễn Thị Thùy N.

2. Ông Nguyễn Kim A có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Thùy N số tiền chênh lệch chia tài sản chung là 1.324.008.000 đồng (một tỷ ba trăm hai mươi bốn triệu không trăm lẻ tám nghìn đồng).

3. Buộc bà Nguyễn Thị Thùy N phải thanh toán cho ông Nguyễn Kim A 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Sau khi cân trừ nghĩa vụ thanh toán giữa ông Nguyễn Kim A và bà Nguyễn Thị Thùy N (1.324.008.000 đồng - 250.000.000 đồng). Buộc ông Nguyễn Kim A có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thùy N số tiền 1.074.008.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi bốn triệu không trăm lẻ tám nghìn đồng).

4. Giao ông Nguyễn D được quyền quản lý và sử dụng 01 căn nhà cấp 4 là quán cà phê nằm trên thửa đất số 513, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Nguyễn D có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Kim A số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng)

Ông Nguyễn D có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thùy N số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng)

5. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy N về việc yêu cầu chia tài sản chung đối với tài sản là căn nhà xây trên diện tích đất thuộc thửa số 513, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

6. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Thị Thùy N về việc chia tài sản chung đối với **thửa đất số 513, tờ bản đồ số 17 và thửa đất số 341, tờ bản đồ số 19, đều tọa lạc tại thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.**

7. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Kim A phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thùy N 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Kim A và bà Nguyễn Thị Thùy N có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai, điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

8. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Kim A phải chịu 68.430.060 đồng (sáu mươi tám triệu bốn trăm ba mươi nghìn không trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Buộc ông Nguyễn D phải chịu 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm. Buộc bà Nguyễn Thị Thùy N phải chịu 74.620.040 đồng (bảy mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi nghìn không trăm bốn mươi đồng) án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0006520 ngày 27/02/2019 và số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0006041 ngày 07/8/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị Thùy N còn phải nộp 66.120.040 đồng (sáu mươi sáu triệu một trăm hai mươi nghìn không trăm bốn mươi đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Anh Tuấn